

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BỒNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

V/v Không công nhận quan hệ hôn nhân,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BỒNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Bà Nguyễn Thị Nương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Non - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về “Không công nhận quan hệ hôn nhân, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bạch Văn H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn B T, xã Trà B, huyện Trà B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

- Bị đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn B T, xã Trà B, huyện Trà B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2023, bản tự khai ngày 31/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Bạch Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 tại xã Trà B, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc

phạm lẫn nhau, hiện anh và chị T đã không còn sống chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là Bạch Văn H, sinh ngày 01/12/1996 (đã trưởng thành), Bạch Văn Th, sinh ngày 20/10/2004 (đã trưởng thành) và Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2024, anh H đồng ý giao con Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007 cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2023 và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Thị T trình bày:

- Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chị và anh H phát sinh mâu thuẫn được gần 02 năm nguyên nhân do anh H ngoại tình, bỏ nhà đi theo người khác, không còn chăm lo cho vợ con. Nay anh H yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là Bạch Văn Hưng, sinh ngày 01/12/1996 (đã trưởng thành), Bạch Văn Thịnh, sinh ngày 20/10/2004 (đã trưởng thành) và Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị yêu cầu nhận nuôi con chung Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007 và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKNDTC - BTP ngày 06/01/2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bạch Văn H và chị Võ Thị T; Giao con Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007 cho chị Võ Thị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Bạch Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Bạch Thị Kim T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ tại: Thôn B Tân, xã Trà B, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bạch Văn H và chị Võ Thị T đều khai nhận cả hai chung sống từ năm 1996 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc tuy nhiên hiện nay anh chị đã không còn sống chung, anh chị hiện nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Toà án nhân dân huyện Trà Bồng đã tiến hành xác minh tại UBND xã Trà B thì xác định anh H và chị T không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh H và chị T được xác lập sau ngày 03/01/1987 nên bắt buộc phải có đăng ký kết hôn mới được xem là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKNDTC - BTP ngày 06/01/2016 quy định “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) mà có yêu cầu Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ ...”

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch”. Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bạch Văn H và chị Võ Thị T

[2.2] Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là Bạch Văn Hưng, sinh ngày 01/12/1996 (đã trưởng thành), Bạch Văn Thịnh, sinh ngày 20/10/2004 (đã trưởng thành) và Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007.

Anh H và chị T đều thống nhất thoả T, giao cháu Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007 cho chị T nuôi dưỡng và anh H phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, tính từ tháng 6 năm 2024. Tại phiên toà, nguyện vọng của cháu Bạch Thị Kim T cũng mong muốn được ở với chị Võ Thị T nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4] Anh Bạch Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 150, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKNDTC - BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bạch Văn H và chị Võ Thị T.

2. Giao con Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007 cho chị Võ Thị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Bạch Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Bạch Thị Kim T, sinh ngày 25/6/2007 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Bạch Thị Kim T đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2024.

Anh Bạch Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bạch Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do anh H đã nộp theo biên lai thu số 0001057 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, còn lại anh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- UBND xã Trà B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Minh Thuận